

Bản án số: 1054/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Thông**
2. Ông **Nguyễn Thái Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Nghĩa** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 tháng 7 năm 2017 và ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2016/TLST-HN ngày 27 tháng 7 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 505/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 654/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Liễu N**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 283/27 Cách Mạng Tháng 8, phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Paul NMN L**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 4405 Pottery Lane Raleigh NC 27616, USA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2016 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N trình bày:

Bà và ông Paul NMN L quen biết nhau vào cuối năm 2013 qua lời giới thiệu của một người bạn. Tháng 4/2014, ông Paul NMN L sang Việt Nam; sau đó bà qua bang Raleigh NC, USA và cùng ông Paul NMN L làm thủ tục đăng ký

kết hôn ngày 21/5/2014; được Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh Trích lục ghi chú kết hôn số 103/TLGCKH ngày 23/9/2016.

Trước khi đăng ký kết hôn, hai bên có thỏa thuận mặc dù kết hôn nhưng mỗi người vẫn ở mỗi nơi như trước đây để làm ăn. Tuy nhiên sau đó thì ông Paul NMN L không đồng ý, tỏ thái độ hung hãn và bạo lực sau khi uống rượu bia, đã 02 lần hành hung bà tại nhà cha mẹ ruột của ông, gia đình ông phải can thiệp giúp đỡ. Ngày 12/6/2014, bà trở về Việt Nam. Từ đó cho đến nay, bà không trở lại nhà ông Paul NMN L, hai bên cũng không liên lạc gì với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Paul NMN L.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Paul NMN L cư trú ở 4405 Pottery Lane Raleigh NC 27616, USA. Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số 1065/UTTPDS-TA ngày 22/9/2016. Theo nội dung tại Văn bản ủy thác (kèm theo Thông báo ngày 18/8/2016) thì thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/02/2017, thời gian mở phiên tòa (kèm theo Thông báo mở phiên tòa ngày 18/8/2016) vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/6/2017. Trường hợp quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án sẽ tiếp tục xét xử lần 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/7/2017.

Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) ngày 18/11/2016. Tòa án đã nhận được thông báo kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện việc tổng đạt cho đương sự ở nước ngoài. Theo đó, Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Hoa Kỳ đã gửi thông báo cho đương sự và niêm yết hồ sơ tại trụ sở Đại sứ quán nhưng đương sự không có hồi âm hoặc đến Đại sứ quán nhận hồ sơ tổng đạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N, bị đơn ông Paul NMN L đều vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Lê Thị Liễu N được ly hôn ông Paul NMN L. Con chung: không có. Tài sản chung không có gì giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Paul NMN L cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Paul NMN L vắng mặt đến lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Lê Thị Liễu N và ông Paul NMN L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Văn phòng khế ước Quận Wake, bang Bắc Carolina và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20142357 ngày 21/5/2014. Ngày 23/9/2016, bà Nhân đã làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo lời khai của bà Nhân : sau khi kết hôn đôi bên sống chung cùng gia đình ông Paul NMN L tại 4405 Pottery Lane Raleigh NC 27616, USA. Trong thời gian ở đây chỉ có 20 ngày nhưng giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, khác biệt về quan điểm sống, tính tình, thiếu sự tôn trọng nhau; ông Paul NMN L có hành vi bạo lực đối với bà. Ngày 12/6/2014, bà cảm thấy sợ hãi, không an toàn khi sống chung với ông Paul NMN L nên quay trở lại Việt Nam. Từ đó cho đến nay hai bên không liên lạc với nhau, không bên nào có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Bà xác định tình cảm đối với ông Paul NMN L không còn, không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân giữa đôi bên và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Như vậy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau và kể từ khi bà Nhân nộp đơn ly hôn

ông Paul NMN L không về Việt Nam, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn mạnh ai nấy sống trong thời gian dài nên hôn nhân giữa đôi bên lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nhân.

Về con chung: Bà Nhân khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nhân khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Liễu N được ly hôn ông Paul NMN L.

Trích lục ghi chú kết hôn số 103/TLGCKH ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Liễu N khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Liễu N nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng bà Nhân đã nộp tại Biên lai thu số AE/2011/03174 ngày 26/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nhân đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Liễu N và bị đơn ông Paul NMN L; bà Lê Thị Liễu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười

lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Paul NMN L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

